TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 31 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Ngọc Hạ Q, sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú: Thôn 3, xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là Thôn 3, xã B, tỉnh Gia Lai). Nơi ở hiện nay: Số 174 L, xã Đ, tỉnh L1.

CCCD số: 067183000627 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 16/08/2022.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là Thôn 3, xã B, tỉnh Gia Lai).

CCCD số: 064074003472 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 28/6/2021.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Triệu Ngọc Hạ Q và ông Nguyễn Văn D (Giấy chứng nhận kết hôn số 03 do UBND xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã B, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 04/02/2004).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà Triệu Ngọc Hạ Q và ông Nguyễn Văn D có 04 (bốn) con chung là Nguyễn Triệu Phương P, sinh ngày 17/9/2003; Nguyễn Triệu Phương D1, sinh ngày 04/02/2006; Nguyễn Triệu Phương U, sinh ngày 05/10/2012 và Nguyễn Triệu Trung N1, sinh ngày 05/7/2018. Hiện 02 (hai) con Nguyễn Triệu Phương P và Nguyễn Triệu Phương D1 đã thành niên và tự lập được nên bà Q và ông D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Khi ly hôn bà Triệu Ngọc Hạ Q và ông Nguyễn Văn D thỏa thuận:

Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Triệu Phương U, sinh ngày 05/10/2012 và Nguyễn Triệu Trung N1, sinh ngày 05/7/2018 (như nguyện vọng của các con) cho bà Triệu Ngọc Hạ Q trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Triệu Ngọc Hạ Q và ông Nguyễn Văn D thỏa thuận ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Triệu Ngọc Hạ Q và ông Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng. Bà Triệu Ngọc Hạ Q và ông Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Triệu Ngọc Hạ Q tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn D để sung vào công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Triệu Ngọc Hạ Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí số 0007281 ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực x – Gia Lai). Hoàn trả lại cho bà Triệu Ngọc Hạ Q số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai trên.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực x - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thy Thy